

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT) ĐỢT 2)

XÃ CỤ NẴM

950 843 - 4 - TỔ SỐ 28

TÊN KHU ĐO: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG ĐIỂM DÂN CƯ HỒNG THÔN KHU VỰC ĐỒNG LỚN XÃ CỤ NẴM, HUYỆN BỐ TRẠCH
(Kèm theo Quyết định giao đất số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN BỐ TRẠCH

Lưu ý: Thửa đất đánh dấu "X", là thửa đất
đưa ra đấu giá.



Bảng hệ tọa độ và thông tin cơ bản
của thửa đất số 1000

Điểm	X (m)	Y (m)	Chiều dài đường (m)
1	1000000.00	1000000.00	0.00
2	1000000.00	1000000.00	0.00
3	1000000.00	1000000.00	0.00
4	1000000.00	1000000.00	0.00
5	1000000.00	1000000.00	0.00
6	1000000.00	1000000.00	0.00
7	1000000.00	1000000.00	0.00
8	1000000.00	1000000.00	0.00
9	1000000.00	1000000.00	0.00
10	1000000.00	1000000.00	0.00
11	1000000.00	1000000.00	0.00
12	1000000.00	1000000.00	0.00
13	1000000.00	1000000.00	0.00
14	1000000.00	1000000.00	0.00
15	1000000.00	1000000.00	0.00
16	1000000.00	1000000.00	0.00
17	1000000.00	1000000.00	0.00
18	1000000.00	1000000.00	0.00
19	1000000.00	1000000.00	0.00
20	1000000.00	1000000.00	0.00

(Cả đường kẻ lạch và đường kẻ chấm đều phục vụ giao đất)

TỈ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

ĐƠN VỊ: M, CM, MM

ĐO VẼ, NGÀY 28 THÁNG 04 NĂM 2024
BỘ TƯ VẤN ĐẤT ĐAI
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẤT ĐAI VÀ THIẾT KẾ



LÊ MINH HIẾU

XÁC NHẬN, NGÀY 26 THÁNG 04 NĂM 2024
CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN



NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Kiểm tra, NGÀY 30 THÁNG 04 NĂM 2024
BỘ TƯ VẤN ĐẤT ĐAI
PHÒNG ĐO ĐẤT ĐAI VÀ THIẾT KẾ



LÊ THANH VŨ

Duyệt, NGÀY 30 THÁNG 04 NĂM 2024
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC



PHAN XUÂN HẠO

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO BẮT) (ĐQT 7)

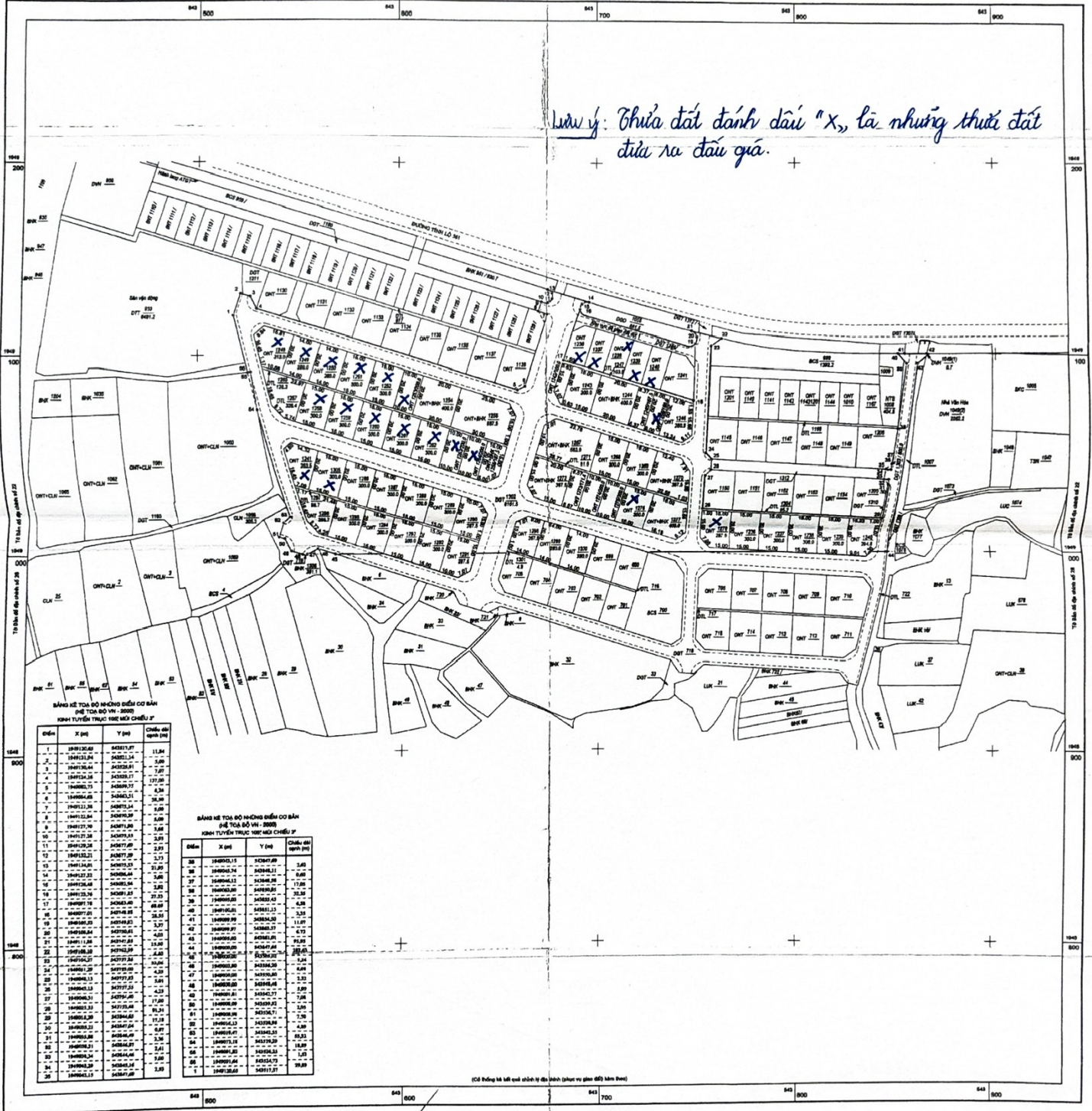
XÃ CỤ NĂM

950 843 - 1 - TỔ SỐ 22

TÊN KHU ĐO: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN KHU VỰC ĐỒNG LỚN XÃ CỤ NĂM, HUYỆN BỐ TRẠCH
(Kèm theo Quyết định giao đất số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN BỐ TRẠCH

Lưu ý: Thửa đất đánh dấu "X", là những thửa đất điều ra đấu giá.



Điểm	X (m)	Y (m)	Chiều dài điểm (m)
1	184732.82	184731.07	11.94
2	184732.84	184731.34	2.67
3	184735.44	184732.81	7.26
4	184734.28	184733.17	137.00
5	184735.71	184733.71	6.38
6	184735.68	184733.71	18.00
7	184732.26	184733.64	36.00
8	184732.64	184733.39	2.00
9	184732.70	184733.39	3.00
10	184732.38	184733.33	3.00
11	184732.38	184733.33	2.00
12	184732.32	184733.33	2.00
13	184734.01	184733.33	21.00
14	184732.32	184733.64	3.00
15	184732.64	184733.64	3.00
16	184732.64	184733.64	3.00
17	184732.64	184733.64	3.00
18	184732.64	184733.64	3.00
19	184732.64	184733.64	3.00
20	184732.64	184733.64	3.00
21	184732.64	184733.64	3.00
22	184732.64	184733.64	3.00
23	184732.64	184733.64	3.00
24	184732.64	184733.64	3.00
25	184732.64	184733.64	3.00
26	184732.64	184733.64	3.00
27	184732.64	184733.64	3.00
28	184732.64	184733.64	3.00
29	184732.64	184733.64	3.00
30	184732.64	184733.64	3.00
31	184732.64	184733.64	3.00
32	184732.64	184733.64	3.00
33	184732.64	184733.64	3.00
34	184732.64	184733.64	3.00
35	184732.64	184733.64	3.00
36	184732.64	184733.64	3.00
37	184732.64	184733.64	3.00
38	184732.64	184733.64	3.00
39	184732.64	184733.64	3.00
40	184732.64	184733.64	3.00
41	184732.64	184733.64	3.00
42	184732.64	184733.64	3.00
43	184732.64	184733.64	3.00
44	184732.64	184733.64	3.00
45	184732.64	184733.64	3.00
46	184732.64	184733.64	3.00
47	184732.64	184733.64	3.00
48	184732.64	184733.64	3.00
49	184732.64	184733.64	3.00
50	184732.64	184733.64	3.00
51	184732.64	184733.64	3.00
52	184732.64	184733.64	3.00
53	184732.64	184733.64	3.00
54	184732.64	184733.64	3.00
55	184732.64	184733.64	3.00
56	184732.64	184733.64	3.00
57	184732.64	184733.64	3.00
58	184732.64	184733.64	3.00
59	184732.64	184733.64	3.00
60	184732.64	184733.64	3.00
61	184732.64	184733.64	3.00
62	184732.64	184733.64	3.00
63	184732.64	184733.64	3.00
64	184732.64	184733.64	3.00
65	184732.64	184733.64	3.00
66	184732.64	184733.64	3.00
67	184732.64	184733.64	3.00
68	184732.64	184733.64	3.00
69	184732.64	184733.64	3.00
70	184732.64	184733.64	3.00
71	184732.64	184733.64	3.00
72	184732.64	184733.64	3.00
73	184732.64	184733.64	3.00
74	184732.64	184733.64	3.00
75	184732.64	184733.64	3.00
76	184732.64	184733.64	3.00
77	184732.64	184733.64	3.00
78	184732.64	184733.64	3.00
79	184732.64	184733.64	3.00
80	184732.64	184733.64	3.00
81	184732.64	184733.64	3.00
82	184732.64	184733.64	3.00
83	184732.64	184733.64	3.00
84	184732.64	184733.64	3.00
85	184732.64	184733.64	3.00
86	184732.64	184733.64	3.00
87	184732.64	184733.64	3.00
88	184732.64	184733.64	3.00
89	184732.64	184733.64	3.00
90	184732.64	184733.64	3.00
91	184732.64	184733.64	3.00
92	184732.64	184733.64	3.00
93	184732.64	184733.64	3.00
94	184732.64	184733.64	3.00
95	184732.64	184733.64	3.00
96	184732.64	184733.64	3.00
97	184732.64	184733.64	3.00
98	184732.64	184733.64	3.00
99	184732.64	184733.64	3.00
100	184732.64	184733.64	3.00

Điểm	X (m)	Y (m)	Chiều dài điểm (m)
36	184732.11	184737.89	5.80
37	184732.11	184738.11	2.00
38	184735.74	184738.08	17.00
39	184735.74	184738.08	6.00
40	184735.74	184738.08	3.00
41	184735.74	184738.08	11.00
42	184735.74	184738.08	6.70
43	184735.74	184738.08	15.00
44	184735.74	184738.08	22.00
45	184735.74	184738.08	3.00
46	184735.74	184738.08	3.00
47	184735.74	184738.08	3.00
48	184735.74	184738.08	3.00
49	184735.74	184738.08	3.00
50	184735.74	184738.08	3.00
51	184735.74	184738.08	3.00
52	184735.74	184738.08	3.00
53	184735.74	184738.08	3.00
54	184735.74	184738.08	3.00
55	184735.74	184738.08	3.00
56	184735.74	184738.08	3.00
57	184735.74	184738.08	3.00
58	184735.74	184738.08	3.00
59	184735.74	184738.08	3.00
60	184735.74	184738.08	3.00
61	184735.74	184738.08	3.00
62	184735.74	184738.08	3.00
63	184735.74	184738.08	3.00
64	184735.74	184738.08	3.00
65	184735.74	184738.08	3.00
66	184735.74	184738.08	3.00
67	184735.74	184738.08	3.00
68	184735.74	184738.08	3.00
69	184735.74	184738.08	3.00
70	184735.74	184738.08	3.00
71	184735.74	184738.08	3.00
72	184735.74	184738.08	3.00
73	184735.74	184738.08	3.00
74	184735.74	184738.08	3.00
75	184735.74	184738.08	3.00
76	184735.74	184738.08	3.00
77	184735.74	184738.08	3.00
78	184735.74	184738.08	3.00
79	184735.74	184738.08	3.00
80	184735.74	184738.08	3.00
81	184735.74	184738.08	3.00
82	184735.74	184738.08	3.00
83	184735.74	184738.08	3.00
84	184735.74	184738.08	3.00
85	184735.74	184738.08	3.00
86	184735.74	184738.08	3.00
87	184735.74	184738.08	3.00
88	184735.74	184738.08	3.00
89	184735.74	184738.08	3.00
90	184735.74	184738.08	3.00
91	184735.74	184738.08	3.00
92	184735.74	184738.08	3.00
93	184735.74	184738.08	3.00
94	184735.74	184738.08	3.00
95	184735.74	184738.08	3.00
96	184735.74	184738.08	3.00
97	184735.74	184738.08	3.00
98	184735.74	184738.08	3.00
99	184735.74	184738.08	3.00
100	184735.74	184738.08	3.00

ĐO VẼ, NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 2024
BỘ VỊ ĐO BẮC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ THÀNH TUYÊN
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
LÊ MINH HIẾU

XÁC NHẬN, NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2024
CHỦ ĐẦU TƯ
THị trấn xã CỤ NĂM
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
NGUYỄN VĂN LƯƠNG

TỈ LỆ 1:1000
1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa
0 10 20 30 40 50 60 70 80 90 100

Kiểm tra, ngày 30 tháng 01 năm 2024
BỘ VỊ KIỂM TRA
PHÒNG ĐO BẮC, BẢN ĐỒ VÀ VIỆN THAM
P. TRƯỞNG PHÒNG
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
LÊ THẠNH

Duyệt, ngày 30 tháng 01 năm 2024
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
PHAN XUÂN HẢO

Phan Công Nguyên